

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2021

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia
đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tuyết Mai.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Xuyên.
2. Ông Phạm Kiên Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2020/TLST-HNGĐ ngày 29/12/2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 49/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đỗ Đình Đ, sinh năm 1974; (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Chị Trịnh Thị L, sinh năm 1977; (Vắng mặt)

Địa chỉ: N0.84, Chenggong 3rd Road, Nantou City, Nantou County, Taiwan

Đại diện theo ủy quyền nhận văn bản: Anh Trịnh Văn Đ, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Trú tại: thôn T, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn là anh Đỗ Đình Đ trình bày: Anh Đ và chị Trịnh Thị L, sinh năm 1977 có tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Ninh ngày 21/12/1995. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc. Năm 2003 chị L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, không có thời gian chăm sóc, quan tâm đến gia đình. Vợ chồng không hợp nhau về quan

điểm sống và tính cách, không có tiếng nói chung. Đến khoảng năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị L có con với người khác và cắt đứt liên lạc với anh. Khi đó chị L chỉ liên lạc với bố mẹ chị là ông Trịnh Văn Bổng và bà Trịnh Thị Lịch ở thôn T, xã Q, huyện L. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho vợ chồng anh.

Con chung: Hai vợ chồng có hai con chung là cháu Đỗ Đình P, sinh năm 1996 và cháu Đỗ Đình T sinh năm 2001, hiện cháu P đang ở với chị L, cháu T đang ở với anh Đ. Các cháu đều đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, công nợ: Khi chị L về nước yêu cầu giải quyết thì anh và chị L sẽ giải quyết sau.

Bị đơn chị Trịnh Thị L trình bày:

Quan hệ hôn nhân nhất trí với lời trình bày của anh Đ. Hiện tại vợ chồng mâu thuẫn không thể chung sống với nhau được, do đó, đề nghị Tòa án giải quyết cho hai vợ chồng được ly hôn.

Con chung, tài sản chung và công nợ: Chị ủy quyền toàn bộ cho người thân là ông Trịnh Văn Đình, sinh năm 1981, trú tại thôn T, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Ninh tham gia tố tụng, thay chị giải quyết.

Người Đ diện theo ủy quyền là anh Trịnh Văn Đình trình bày: Anh được chị L ủy quyền để thay mặt chị L tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh trong phạm vi ủy quyền và nhận thay chị L toàn bộ văn bản của Tòa án. Chị Trịnh Thị L kết hôn với anh Đỗ Đình Đ được gia đình tổ chức cưới hỏi theo P tục của địa phương vào tháng 12/1995. Năm 2002 chị L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Sau khi đi nước ngoài thì thỉnh thoảng chị có về thăm gia đình. Từ năm 2018 đến nay thì chị chỉ liên lạc với gia đình qua điện thoại. Thỉnh thoảng chị có gửi thư và gửi tiền về cho gia đình. Anh được biết kể từ năm 2010 giữa chị L và anh Đ thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Chị L và anh Đ có 02 con chung là cháu Đỗ Đình P, sinh năm 1996 và cháu Đỗ Đình T sinh năm 2001. Hiện tại, cháu Đỗ Đình P đang ở với chị L tại Đài Loan, cháu Đỗ Đình T đang ở với anh Đ. Các cháu đều đã trưởng thành nên khi ly hôn chị L tôn trọng nguyện vọng của các cháu.

Tài sản chung, công nợ: Chưa yêu cầu tòa án giải quyết. Khi chị L về nước sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Anh Đ, chị L, anh Đình đều đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp

luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án tới khi nghị án là đảm bảo đúng theo trình tự thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do vậy yêu cầu xin ly hôn của anh Đỗ Đình Đ là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Đình Đ và chị Trịnh Thị L. Con chung, tài sản chung, công nợ: Không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Thủ tục tố tụng: Chị Trịnh Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và có văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến của mình về việc giải quyết tranh chấp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Trịnh Thị L theo quy định của pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

Quan hệ hôn nhân giữa anh Đỗ Đình Đ và chị Trịnh Thị L đã tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2003 chị L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, không có thời gian chăm sóc, quan tâm đến gia đình. Đến khoảng năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị L có con với người khác và cắt đứt liên lạc với anh Đ từ đó đến nay. Cả hai bên đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và đều đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với thực tế cuộc sống chung, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Con chung: 02 con chung là cháu Đỗ Đình P, sinh năm 1996 và cháu Đỗ Đình T sinh năm 2001. Hội đồng xét xử thấy các cháu đều đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Tài sản chung, công nợ: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 37, 38, 70, 147, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 55 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đỗ Đình Đ.

- Quan hệ vợ chồng: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Đình Đ và chị Trịnh Thị L.

- Con chung, tài sản chung, công nợ: Không giải quyết.

2. Án phí: Anh Đỗ Đình Đ phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0004726 ngày 25/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Anh Đỗ Đình Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Chị Trịnh Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được kết quả bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tuyết Mai